

TRI THỨC ĐỊA PHƯƠNG CỦA NGƯỜI DAO ĐỎ TRONG SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ NGUỒN TÀI NGUYÊN RỪNG¹

*(Nghiên cứu trường hợp ở thôn Tầng, xã Phúc Sơn,
huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang)*

LÊ HẢI ĐĂNG

PHẠM THỊ THU HÀ

1. Đặt vấn đề

Miền núi Việt Nam là một vùng rộng lớn, phức tạp với nhiều đặc thù về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội. Đây là địa bàn cư trú của hầu hết các dân tộc thiểu số. Mỗi dân tộc tùy theo trình độ phát triển, tập quán sản xuất, văn hóa, tín ngưỡng... đã sử dụng tài nguyên thiên nhiên theo cách riêng của mình và tác động tới môi trường theo nhiều cách khác nhau. Để quản lý môi trường bền vững, việc sử dụng hệ thống tri thức bản địa của các cộng đồng có một vai trò quan trọng không chỉ trong sản xuất và đời sống mà còn góp phần duy trì và bảo tồn đa dạng sinh học cho từng địa phương.

Đối với cư dân miền núi, rừng có vai trò rất quan trọng bởi vì rừng và đất rừng có những đóng góp to lớn đối với sinh kế và phúc lợi của họ như tạo thu nhập, cung cấp lương thực thiết yếu, giảm nhẹ những thiệt hại khi mùa màng thất bát, khi không có công ăn việc làm hay khi gặp những khó khăn khác. Theo tác giả Jin Sato, người dân sống dựa vào rừng ở hai khía cạnh. Thứ nhất

là phụ thuộc về thu nhập, liên quan đến tổng thu nhập và thu nhập hộ có được từ bán các sản phẩm rừng. Thứ hai là sự phụ thuộc về sinh kế, được tính toán bằng các loại sản phẩm rừng sử dụng hàng ngày. Như vậy, rừng là một trong những nguồn thu nhập và sinh kế của họ (dẫn theo Trần Đức Viên và cộng sự, 2005, tr. 35).

Phúc Sơn là một xã vùng cao, nằm ở phía Bắc huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, có tổng diện tích tự nhiên là 9.099ha, cách trung tâm huyện khoảng 25km. Đây là vùng đất có địa thế tương đối bằng phẳng, đất đai màu mỡ với những cánh rừng xanh mướt trải dài, sơn thủy hữu tình. Phúc Sơn có dạng địa hình đồi núi với độ cao trung bình 700m so với mực nước biển và có khí hậu nhiệt đới gió mùa. Xã nằm trong vùng nhiệt đới thấp với 4 mùa rõ rệt: xuân, hạ, thu, đông. Lượng mưa ổn định và độ ẩm lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho thực vật sinh trưởng và phát triển. Điểm nghiên cứu được lựa chọn là thôn Tầng với hơn 100 hộ và 551 nhân khẩu, đa số là người Dao Đỏ sinh sống. Đây là một trong số những địa bàn của huyện Chiêm Hóa vẫn còn giữ được những khu rừng già trong khi ở nhiều xã khác, nguồn tài nguyên rừng đã bị suy giảm đáng kể hoặc chỉ là rừng tái sinh. Điều đó đặt ra một câu hỏi rằng, tại sao người Dao ở đây

¹ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số IV5.3 - 2011.05.

vẫn bảo tồn được những khu rừng nguyên sinh và trong điều kiện hiện nay, những tri thức địa phương về sử dụng và bảo vệ tài nguyên rừng có còn phát huy tác dụng nữa hay không? Đó là những vấn đề được đề cập trong bài viết này.

2. Tri thức địa phương trong sử dụng nguồn tài nguyên rừng

2.1. Tri thức địa phương trong khai thác và sử dụng gỗ

Trước đây, gỗ được người dân khai thác thường xuyên, tự do mà không vấp phải một sự ngăn cản nào từ phía chính quyền. Gỗ thường được lấy về để làm nhà ở, chuồng gia súc, đóng bàn ghế, làm quan tài hay chế tác các đồ gia dụng như giường, tủ, bàn, ghế và công cụ lao động... Công việc kiếm gỗ ngày ấy không quá vất vả vì rừng gần nơi cư trú, dễ khai thác và vận chuyển.

Để có thể khai thác sản phẩm chất lượng và tiết kiệm được thời gian, người Dao Đỏ có nhiều kỹ năng và kinh nghiệm nắm bắt chu kỳ sinh trưởng của cây. Trước khi chặt, đồng bào phải quan sát xem để cây đổ hướng nào cho dễ kéo và vận chuyển. Thông thường, họ cho cây đổ sang hai bên sườn núi chứ không đổ thẳng xuống chân núi vì như thế, thân cây dễ bị xé toạc lúc sắp được chặt xong, cây gỗ sẽ mất giá trị, đôi khi không thể sử dụng được nữa.

Mùa khai thác gỗ truyền thống của người Dao Đỏ ở thôn Tầng từ tháng 8 đến tháng 12 (âm lịch) hàng năm vì đây là thời điểm thân cây ít nước nên thường không bị mối mọt, nứt và rỗng ruột như các mùa khác. Ngay sau khi đốn gỗ, họ đèo gỗ trên rừng rồi mới nhờ anh em họ hàng vận chuyển về. Các loại cây lấy gỗ chủ yếu của người Dao Đỏ ở đây là bồ đề, xoan, keo, bạch đàn, lát... Trong

đó, bồ đề được coi là cây trồng cho thu nhập cao hơn cả, phù hợp với đất đai và thời tiết ở đây nên cây phát triển rất nhanh.

Việc khai thác loại gỗ nào, chất lượng ra sao lại tùy theo mục đích sử dụng của các hộ gia đình. Ngôi nhà truyền thống của người Dao Đỏ là nhà đất 3 gian. Thông thường, để dựng một ngôi nhà, trung bình người ta cần khoảng 7m³ gỗ. Trong đó, những cột chính trong nhà chủ yếu được làm từ gỗ nghiến, trai, đinh; vách nhà được làm từ gỗ xoan mộc (cây tự nhiên) và xoan ta (gia đình trồng) còn bếp thì thường được làm từ gỗ tạp như sồi, chẹo... Nếu làm bàn ghế, giường, tủ, người Dao Đỏ thường chọn gỗ lát (lát xoan, lát hoa, lát chun) hoặc gỗ dâu vì những loại gỗ này có chất lượng tốt và giữ được màu. Nếu làm chuồng gia súc, gia cầm, đồng bào thường lấy những loại gỗ tạp như muồng, giàng giàng... vì dễ kiếm, dễ khai thác và vận chuyển mà không tốn quá nhiều công sức và thời gian.

Công cụ khai thác gỗ chủ yếu của đồng bào Dao Đỏ khi lên rừng là rìu, dao, cưa xẻ, hiện nay còn có thêm máy cưa. Trước kia, khi có kế hoạch làm nhà, đồng bào phải mất khoảng 1 - 2 năm chuẩn bị gỗ và phải xẻ gỗ thủ công bằng tay, nhưng hiện nay do có máy cưa nên họ chỉ mất khoảng 1 - 2 tuần để chuẩn bị gỗ cho ngôi nhà mới.

Khi lên rừng lấy gỗ làm nhà, đồng bào thường kiêng lấy cây cụt ngọn vì sợ sau này gia đình sẽ làm ăn không nên; kiêng lấy những cây có dây leo quấn quanh thân vì theo họ, đó là những cây có ma, tinh cây trú ngụ, nếu lấy về coi như dẫn ma về tổ tiên nhà mình; kiêng lấy cây mọc hai cành đều nhau vì như vậy sẽ dẫn đến phân rẽ anh em.

Việc xem ngày, chọn giờ khi lên rừng lấy gỗ làm nhà được người Dao Đỏ rất chú

ý. Ông Ma Hữu Chu - già làng có uy tín và hiểu biết ở thôn Tầng cho biết: Việc đi xem ngày đẹp để lên rừng phụ thuộc vào từng dòng họ. Ví dụ, với họ Ma thì ngày Thìn, ngày Dậu, ngày Thân; giờ Thìn, giờ Thân, giờ Tỵ là những ngày, giờ đẹp. Còn ngày xấu là ngày mùng 3 (tam xà), 17 (vãng vong) và ngày 29, vì theo quan niệm dân gian của dòng họ Ma thì đây là những ngày có tinh (thần rừng núi) “ăn người” nên tránh việc lên rừng để xâm phạm thiên, thổ địa, thổ công, thần núi.

2.2. Tri thức địa phương trong khai thác và sử dụng các sản phẩm phi gỗ

Đối với các tộc người thiểu số nói chung và người Dao Đỏ ở thôn Tầng nói riêng, việc khai thác các loại lâm sản ngoài gỗ có vai trò khá quan trọng trong đời sống sinh hoạt hàng ngày. Có thể chia các lâm sản ngoài gỗ thành một số loại sản phẩm như sau:

2.2.1. Củi

Củi được người Dao Đỏ sử dụng làm nguồn chất đốt chính trong đời sống hàng ngày. Họ thường vào rừng khai thác những cành cây khô, gãy và những cành cây được bỏ lại sau khi người ta chặt các cây gỗ lớn. Đồng bào cho biết, đa số các loại cây trên rừng đều có thể lấy về làm củi, duy chỉ kiêng lấy cây đa vì theo quan niệm dân gian, cây đa là nơi trú ngụ của ma nên nếu lấy về, sẽ gặp rủi ro. Người Dao Đỏ đi lấy củi hàng ngày chứ không theo một mùa cố định, đặc biệt là vào những lúc nông nhàn, họ kiếm củi về tích trữ, phòng khi mưa lũ. Đối tượng vào rừng lấy củi thường là phụ nữ và trẻ em; đàn ông tuy cũng tham gia vào hoạt động này nhưng không nhiều. Vào từng thời điểm, họ còn mang củi đi bán với giá 200.000 đồng/m³.

2.2.2. Thuốc nam

Khai thác và sử dụng thuốc nam là công việc phụ thuộc vào từng người, từng gia đình có truyền thống về y học dân gian. Đồng bào lên rừng hái thuốc chủ yếu để chữa các bệnh thông thường như huyết áp cao, đau bụng, đầy bụng, đại tràng, bệnh ngoài da... Trong đó, mỗi loại cây thuốc có tác dụng riêng của nó. Cụ thể như sau:

+ Cây *dạ cổ lan*: thường mọc ở nơi ẩm, được lấy về điều trị bệnh mát gan, huyết áp cao.

+ Cây *vọ giếng, dầu hỏa, cây may pi ó*: trị bệnh dạ dày.

+ Cây *xà đĩa pè*: trị bệnh đại tràng, đau bụng, đầy bụng.

+ Cây *đi pièo*: trị những bệnh ngoài da.

+ Cây *puồng địa*: trị bệnh đau khớp.

+ Cây *đĩa gián, đĩa siêu, đĩa chộm dẫu*: Là những cây thuốc bổ dành cho sản phụ, thường được uống sau khi sinh, giúp nhanh phục hồi sức khỏe, dạ con co bóp tốt. Không chỉ được dùng dưới dạng thuốc uống, những loại thuốc này còn được các sản phụ dùng làm thuốc tắm sau khi sinh.

2.2.3. Nấm, mộc nhĩ, rau rừng

Những loại rau được người Dao Đỏ trong thôn lên rừng lấy về ăn gồm rau dớn, *bồ khai, bao*, ngót rừng, *tôm đĩa nôm, đắng cây, khung kìa*... Việc thu hái rau diễn ra chủ yếu vào mùa xuân vì vào thời điểm này, các gia đình thường trồng ít rau xanh, trừ rau cải. Khi tiết trời sang thu, trong vườn nhà, đồng bào trồng nhiều rau bí, bầu nên họ ít lên rừng hái rau hơn.

Mùa sinh trưởng của nấm (*châu*) và mộc nhĩ (*châu bua*) thường vào mùa xuân -

hè do đây là vào mùa nóng, rất thuận lợi cho sự sinh trưởng của hai loại cây này. Nấm ăn được ở trong vùng có nhiều loại, gồm nấm *châu lộ*, *châu bựu*, *châu trâm*, nấm hương, nấm đất (*châu công*), nấm linh chi (*châu piên*)... Chúng thường mọc ở các loại cây như sung (*đèng nhô*), gạo (*đèng chùng*), sồi, gỗ phay. Theo kinh nghiệm dân gian của người Dao Đỏ, trong tự nhiên, loại nấm nào có sâu ăn thì loại đó có thể ăn được, còn những loại nấm mịn, không có sâu ăn có thể là nấm độc. Một dấu hiệu khác để nhận biết nấm độc của người Dao Đỏ là khi thấy nấm tự phát sáng vào ban đêm (như có chất phát pho) thì đây là loại nấm độc - thường được gọi là nấm lửa (*châu tàu*). Mộc nhĩ là một loại nấm sản thường mọc trên những thân cây đã mục từ lâu hoặc những cây được chặt xuống. Tuy nhiên, mộc nhĩ không mọc trên tất cả các loại cây mục, nhưng khác với nấm, mộc nhĩ mọc ở cây nào cũng có thể ăn được; nó thường phát triển mạnh vào mùa xuân khi có mưa phùn.

Ngoài nấm và mộc nhĩ, người Dao Đỏ còn lên rừng thu các loại củ như củ *khúc khúc*, củ *ba mươi*, củ mài (*đòi kìm*), củ nâu, củ báng (*pang buôn*), củ *son thực* (dùng để làm men rượu)... về ăn và bán. Trong đó, hai loại củ *khúc khúc* và *ba mươi* đều là những vị thuốc dân gian, dùng để chữa bệnh về tim mạch, tăng cường mát gan, an thần, dễ ngủ. Trước đây, khi kinh tế còn khó khăn, thiếu đói triền miên, đồng bào thường phải lên rừng hái củ mài, củ báng, ngọn đao (*tào phim*) cho bữa ăn hàng ngày của họ.

2.3. Tri thức địa phương trong săn bắn

Trong sự phát triển của xã hội, trước khi có nền kinh tế sản xuất, bên cạnh hái lượm, con người đã từng sinh sống chủ yếu bằng săn bắn. Săn bắn góp phần cung cấp

thêm nguồn dinh dưỡng trong bữa ăn của người dân, đồng thời còn là một biện pháp để bảo vệ mùa màng và vật nuôi khỏi sự phá hoại của thú hoang. Săn bắn còn là một trong các hoạt động giải trí của người Dao và có tính cộng đồng cao. Trong các cuộc đi săn, đặc biệt là săn tập thể, những người tham gia cùng chia sẻ mọi công việc và thành quả của cuộc săn. Họ đoàn kết và phối hợp nhịp nhàng với nhau trong mọi hành động để cuộc săn thành công. Các bữa tiệc ngay sau các cuộc săn và sự phân chia “chiến lợi phẩm” cũng đem lại cho họ niềm hân hoan và gắn gũi nhau hơn (Trần Hồng Hạnh, 2006). Việc khai thác nguồn thức ăn này còn là cách ứng xử, thích nghi của đồng bào với tự nhiên và môi trường sống. Đồng thời, nó còn là một trong những cách ứng phó truyền thống của người dân trước sự khan hiếm lương thực, đặc biệt phổ biến vào mùa giáp hạt và thiên tai.

Động vật được người Dao Đỏ săn bắn khá đa dạng như rắn (rắn hổ mang, rắn chuột, rắn ráo), tắc kè, sóc, chuột, don, nhím, khi, gấu, sơn dương... Dụng cụ săn bắn chủ yếu là súng kíp, súng kim (súng 2 nòng, dài 1,6m để bắn hươu nai, lợn rừng) và các loại bẫy (bẫy cạm, bẫy đá...). Hiện nay, các loại thú rừng đã suy giảm nghiêm trọng, cả về số lượng lẫn chủng loại. Việc đi săn tập thể như trước kia ít được tổ chức hơn vì tốn công sức mà không hiệu quả. Do vậy, người dân chỉ đi săn đơn lẻ, chủ yếu là bẫy các loại chim thú phá hoại mùa màng như chuột, sóc, chim... Bên cạnh đó, việc săn bắn thú rừng cũng đã bị nghiêm cấm nên đồng bào đã từ bỏ thói quen này để tham gia trồng và chăm sóc rừng do Nhà nước giao hoặc đi làm thuê kiếm tiền (Nguyễn Ngọc Thanh, 2012).

3. Tri thức địa phương trong quản lý tài nguyên rừng

Vào đầu những năm 1990, cùng với việc giao rừng cho các cơ quan quốc doanh, Nhà nước bắt đầu giao rừng các doanh nghiệp tư nhân và một số đối tượng khác. Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 1991 đã đưa ra một khung pháp lý về việc giao quyền quản lý, bảo vệ và kinh doanh tài nguyên rừng cho nhiều thành phần khác nhau (gồm các tổ chức và cá nhân). Tháng 7 năm 1993, Luật Đất đai mới được thông qua, cho phép cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài (Sổ đỏ) cho người sử dụng đất. Ngoài ra, Luật đất đai chính thức trao 5 quyền cho người sử dụng đất: chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp, cho thuê. Hai luật này đã tạo ra một khung pháp lý căn bản cho việc hình thành các cơ chế quản lý rừng mới.

Giao đất giao rừng đã trở thành một vấn đề quan trọng trong chính sách lâm nghiệp của Việt Nam trong suốt những năm tiếp theo. Nghị định số 02/NĐ-CP được ban hành năm 1994, đưa ra khung pháp lý về việc chuyển giao quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân ở địa phương tương tự như quá trình giao đất nông nghiệp đã được thực hiện một cách hiệu quả trong thời gian trước đó. Một năm sau đó, Chính phủ ban hành Nghị định 01/CP về giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng và đất nuôi trồng thủy sản. Vào đầu những năm 2000, Việt Nam chính thức công nhận quản lý rừng theo hình thức cộng đồng, dựa trên kết quả thử nghiệm ở một số tỉnh. Luật Đất đai sửa đổi được thông qua vào năm 2003 đã thừa nhận quyền sử dụng đất của cộng đồng bằng cách cho phép giao đất cho cộng đồng thôn bản. Trong xã hội truyền thống của người Dao Đỏ ở thôn Tầng,

rừng được giao cho các tổ trưởng thôn quản lý theo ranh giới của từng thôn. Năm 1983, UBND xã Phúc Sơn đã bắt đầu giao cho các hộ dân thôn Tầng sở quản lý rừng (sổ lâm bạ). Trong thời gian này, rừng được giao cho các hộ mang tính ước lượng theo từng quả đồi và có sổ xác nhận. Đến năm 2007, người Dao Đỏ được cấp lại sổ mới sau khi Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Chiêm Hóa đo đạc lại diện tích đất lâm nghiệp. Kể từ đây, diện tích rừng được giao không còn mang tính ước lệ như trước đây nữa. Những người được cấp sổ đỏ về quyền sử dụng đất rừng có trách nhiệm hơn với rừng được giao.

Trong phát rừng làm nương trước đây, cũng giống như nhiều dân tộc thiểu số ở nước ta, người Dao Đỏ ở thôn Tầng canh tác theo hình thức luân phiên; theo đó, mỗi nhà thường có vài mảnh nương, khi làm xong vài vụ, họ lại chuyển sang mảnh khác và cứ như vậy sau 3 - 5 năm, họ mới quay trở lại canh tác trên mảnh nương đầu tiên. Để mở nương, không phải cánh rừng nào cũng được phát quang, người Dao Đỏ chỉ tìm đến những khoảnh rừng không có cây cỏ thụ bởi họ biết rõ rằng, rừng già có tác dụng giữ nước. Đặc biệt, họ còn giữ được nhiều kinh nghiệm trong bảo vệ rừng. Chẳng hạn, khi đốt rẫy, họ chọn thời điểm không có gió để tránh lửa cháy lan sang khoảnh rừng bên cạnh và làm cháy rừng...

Nhằm tránh xói mòn đất rừng, sau khi khoanh mảnh rừng làm rẫy, bao giờ đồng bào cũng xẻ rãnh “con chạch”, đặt những ống tre đục thông, chôn xuống làm đường dẫn nước từ đầu nguồn vào ruộng lúa. Họ không bao giờ dùng cuốc khơi rãnh bởi khi mưa to, nước có thể tạo thành suối và gây ra xói mòn, sạt lở đất rừng. Hiện nay, với những chính sách hỗ trợ của Nhà nước,

người Dao Đỏ đã mở rộng canh tác ruộng nước, diện tích nương rẫy giảm đi đáng kể; mặt khác, họ đã chuyển đất rừng từ trồng cây lương thực sang trồng rừng kinh tế với các loại cây lấy gỗ, cây nguyên liệu nhằm phát triển kinh tế hộ gia đình.

Kết quả nghiên cứu ở nhiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã cho thấy, cộng đồng chỉ có thể tham gia tích cực vào hoạt động quản lý tài nguyên khi họ liên kết lại bằng những tổ chức và luật lệ nhất định để bảo vệ nguồn tài nguyên ấy. Hiện nay, người dân thôn Tàng đã tự xây dựng được quy ước chung về bảo vệ rừng. Theo truyền thống, người Dao Đỏ ở xã Phúc Sơn quy định, rừng cấm gồm có rừng đầu nguồn và những khu rừng thiêng. Trong đó, rừng đầu nguồn là loại rừng giữ nước. Đối với loại rừng này, người Dao Đỏ quy định không được khai thác, phát đốt làm nương rẫy vì sợ cạn nguồn nước. Đối với khu rừng cấm, mọi người trong bản đều phải chấp hành các quy định chung. Trong quan niệm dân gian của người Dao nói riêng cũng như một vài dân tộc thiểu số ở nước ta nói chung, đất đai, rừng núi, nguồn nước, cỏ cây... đều chứa đựng những linh hồn, có các vị thần cai quản. Bởi vậy, mỗi người trong cộng đồng đều phải tuân thủ nghiêm ngặt những tập tục và trong nhiều trường hợp, nếu không được phép của cộng đồng, sẽ không được xâm phạm tới những nguồn tài nguyên đó. Những khu rừng cấm là nơi dân bản thờ quan binh tử trận, nơi có các vị thần trú ngụ. Ai vi phạm vào rừng thiêng, làm “động” rừng thiêng, người ấy sẽ bị bệnh tật hoặc gặp hoạn nạn; do vậy, mọi người đều tuân thủ quy định này. Quan niệm về thần rừng và chức năng của rừng thiêng với vận mệnh của cộng đồng người Dao đã tạo nên nền tảng cho những ứng xử giữa con người với rừng.

Hiện nay, người Dao Đỏ ở thôn Tàng đã được nhận hỗ trợ từ một số chương trình, dự án trồng rừng; trong đó có dự án trồng rừng của lâm trường Chiêm Hóa và dự án của kiểm lâm huyện Chiêm Hóa chuyển giao đầu tư về các xã. Mục đích của những chương trình này nhằm phủ xanh đất trống, đồi trọc. Theo đó, lâm trường khoán trồng đất của lâm trường cho các hộ dân, sau đó đầu tư và hỗ trợ cây giống, vốn cùng một khoản tiền nhất định (1,6 triệu đồng/ha) cho các hộ này. Sau khi thu hoạch, lâm trường thu 20% trong khi hộ nhận khoán được hưởng 80% tổng thu nhập. Tuy nhiên, qua nhiều năm, thực tế cho thấy, các dự án này thường không mang lại hiệu quả do người dân chưa có kinh nghiệm, cây trồng phần bị chết, phần do cá nhân chăm sóc chưa tốt, bị trâu bò phá hoại. Kinh nghiệm từ các chương trình, dự án trồng rừng đã cho thấy, việc trồng và chăm sóc cây rừng đều phải được thực hiện theo đúng quy trình, nghĩa là sau 3 năm trồng rừng, người dân phải tỉa cành để cây có sức phát triển, tránh để rậm rạp và phải làm cỏ sạch sẽ thường xuyên. Mặt khác, thực tiễn cũng chỉ ra rằng, nếu được đầu tư đúng giống và chủng loại cây trồng, đất rừng sẽ mang lại hiệu quả kinh tế. Hiện nay, người dân trong thôn chưa nắm bắt được loại cây nào phù hợp với loại đất nào để mang lại hiệu quả cao và đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường. Thực tế tại thôn Tàng cho thấy, keo và bồ đề là hai loại cây trồng chủ đạo và mang lại thu nhập. Tuy nhiên, nếu so sánh với các xã khác trong huyện Chiêm Hóa, sơn lại là cây chiếm ưu thế hơn cả về diện tích và lợi tức kinh tế vì sơn thuộc loại cây công nghiệp cao cấp. Sản phẩm của nó đã được chuyển xuống các công ty ở Việt Trì, Phú Thọ để làm sơn dầu trong vẽ, đánh véc-ni bàn ghế, gổ...

Kết luận

Trải qua nhiều đời gắn bó với tự nhiên, người Dao Đỏ ở thôn Tàng đã tích lũy được nhiều tri thức trong khai thác, sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên rừng. Những tri thức bản địa này được hình thành, phát triển và truyền khẩu qua nhiều thế hệ, có sự tương tác và thích ứng linh hoạt với từng vùng, từng điều kiện sinh thái khác nhau. Đó chính là cơ sở quan trọng cho việc xóa đói, giảm nghèo và phát triển bền vững của cộng đồng.

Giống như một số tộc người khác, người Dao Đỏ khai thác tài nguyên rừng để phục vụ cho cuộc sống hàng ngày nhưng trong từng công việc cụ thể, họ luôn có ý thức “để dành” cho ngày mai. Đặc điểm nổi bật trong thế ứng xử với môi trường tự nhiên của người Dao là luôn vượt khó, linh hoạt và có khả năng thích ứng văn hóa cao. Chính vì thế, đến nay, rừng của người Dao Đỏ ở thôn Tàng vẫn còn khá nhiều loài gỗ, động vật quý hiếm. Điều này chứng tỏ, họ đã sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên thông qua hệ thống tri thức địa phương.

Bên cạnh những tri thức trong việc sử dụng nguồn tài nguyên rừng, tại thôn Tàng còn tồn tại các quy ước trong việc bảo vệ và quản lý rừng, mỗi quy ước thường gồm hai phần: trách nhiệm và hình phạt. Trong đó, trách nhiệm là nội dung chính còn hình phạt có chức năng củng cố thêm trách nhiệm cho từng thành viên. Sức mạnh của các quy ước thôn bản ở chỗ, nó đáp ứng được đúng mục đích và hợp với lòng dân, được mọi người trong cộng đồng chấp nhận và tuân thủ, và được ông bà, cha mẹ truyền lại cho các thế hệ con cháu.

Hiện nay, hệ thống luật pháp của Nhà nước đã được phổ biến rộng rãi tới các thôn

bản, song các quy ước trong việc quản lý tài nguyên thiên nhiên nói chung và tài nguyên rừng nói riêng của người Dao Đỏ vẫn còn nguyên giá trị. Việc kết hợp giữa tri thức địa phương, luật tục với luật pháp sẽ là một trong những giải pháp hữu hiệu nhằm bảo vệ rừng ở vùng người Dao hiện nay. Điều này cho thấy, mọi nỗ lực trong lĩnh vực lâm nghiệp của địa phương, bên cạnh sự quan tâm và hỗ trợ của Nhà nước và chính quyền các cấp, cần thu hút sự quan tâm và đóng góp của cả cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Hải Đăng và Trần Thanh Thủy (2010), “Tri thức địa phương của người Thái trong khai thác, sử dụng tài nguyên rừng (Trường hợp người Thái cư trú trong vùng đệm vườn quốc gia Pù Mát, huyện Con Cuông, Nghệ An)”, *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, Số 4, tr. 54-66.
2. Trần Hồng Hạnh (2006), “Tri thức địa phương trong săn bắn của cộng đồng Dao ở huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai”, *Kỷ yếu Hội nghị Thông báo Dân tộc học năm 2006*, Viện Dân tộc học.
3. Trần Hữu Sơn (2008), “Tri thức bản địa của người Hà Nhi ở Việt Nam với vấn đề bảo vệ rừng”, *Tư liệu Viện Dân tộc học*.
4. Nguyễn Ngọc Thanh (2012), *Tri thức địa phương của người dân sống trong vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Trần Đức Viên, Nguyễn Vinh Quang, Mai Văn Thành (2005), *Phân cấp trong quản lý tài nguyên rừng và sinh kế người dân*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.